

Bản án số: 45/2023/DS-ST

Ngày: 01/8/2023

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỀU - TP ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Chi

Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thanh Dung - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, Tp Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Võ Phước Khánh Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 216/2021/TLST-DS ngày 21/11/2022 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 216/2021/QĐXX-ST ngày 18/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2023/QĐTS-DS ngày 14/6/2023 và Thông báo hoãn phiên tòa số: 216/TB-TA ngày 28/6/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP P**; địa chỉ: D, D L, phường B, quận A, TP .

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Thị H - Chuyên viên xử lý nợ; địa chỉ: 3 Q, quận H, TP .. (Theo giấy ủy quyền số 42/GUQ-OCB.22 ngày 03 tháng 11 năm 2022)

- Bị đơn: Ông **Hà Văn N** - sinh năm 1965 và bà **Ngô Thị N1** - sinh năm 1962; địa chỉ: A Đ, tổ C, phường H, quận L, TP ., bà N1 có mặt, ông N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần P trình bày:*

Tại Hợp đồng tín dụng số: 0318/2017/HĐTD-CN ngày 29/06/2017 ông N, bà N1 vay của Ngân hàng P số tiền: 499.000.000; Mục đích vay: Tiêu dùng; Thời hạn vay: 84 tháng. Lãi suất vay: Áp dụng theo gói tín dụng ưu đãi "Vay nhanh - Giá rẻ" theo Thông báo số 298/2017/TB-TGD ngày 03/05/2017. Lãi suất 9%/năm (trên cơ sở tính 1 năm là 360 ngày), áp dụng cho 06 tháng đầu. Tương đương Lãi suất vay trên cơ sở tính 1 năm 365 ngày là 9,125%/năm, với công thức quy đổi là (9%/năm: 360 ngày) x 365 ngày. Phương thức xác định lãi suất cho vay phải tuân thủ và chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của Ngân hàng P tại từng thời kỳ. Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất vay trong hạn.

Hợp đồng tín dụng số: 565/2018/PTR/HĐTD ngày 28/03/2018 số tiền vay: 120.000.000 đồng; Mục đích vay: Vay tiêu dùng; Thời hạn vay: 84 tháng; Lãi suất vay: Áp dụng lãi suất cho vay tại từng thời điểm nhận nợ và điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần, lãi quá hạn Bằng 150% lãi suất vay trong hạn.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên bao gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 82, tờ bản đồ số 128, địa chỉ tại Tổ C, Phường H, Quận L, thành phố Đà Nẵng thuộc quyền sở hữu quyền sử dụng của ông Hà Văn N và bà Ngô Thị N1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 247033, số vào sổ cấp GCN: CTs 44816 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Đ cấp ngày 15/08/2014 đứng tên ông Hà Văn N và bà Ngô Thị N1. Tài sản bảo đảm đã được công chứng thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0356/2016/BĐ ngày 19/07/2016; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 0318/2017/SDBS-HDBD ngày 29/06/2017; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Số 565/2018/PTR/HĐTC/SĐBS-01 ngày 28/03/2018 và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật. Quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng, ông Hà Văn N và bà Ngô Thị N1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định trong các Hợp đồng tín dụng số: 0318/2017/HĐTD-CN ngày 29/06/2017.

Hiện tại nghĩa vụ nợ của ông Hà Văn N và bà Ngô Thị N1 tại Ngân hàng P phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số: 0318/2017/HĐTD-CN ngày 29/06/2017 và Hợp đồng tín dụng số 565/2018/PTR/HĐTD ngày 28/03/2018 và các Khế ước nhận nợ đã được ký kết tạm tính ngày 31/7/2023 là: 431.322.323 đồng trong đó: Nợ gốc là: 326.507.668 đồng, nợ lãi là: 104.814.655 đồng và tiền lãi, phí phát sinh theo Hợp

đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ đã ký kết từ ngày 01/8/2023 cho đến khi ông Hà Văn N và bà Ngô Thị N1 hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng P.

Nếu ông Hà Văn N và bà Ngô Thị N1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng P được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 82, tờ bản đồ số 128, địa chỉ - N tại Tổ C, Phường H, Quận L, Thành phố Đà Nẵng thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng của ông Hà Văn N và bà Ngô Thị N1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 247033, số vào sổ cấp GCN: CTs 44816 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Đ cấp ngày 15/08/2014 đứng tên ông Hà Văn N và bà Ngô Thị N1 để đảm bảo cho việc thu hồi nợ.

* Bị đơn ông Hà Văn N, bà Ngô Thị N1 trong quá trình giải quyết vụ án vắng mặt và không có ý kiến trình bày gửi đến Tòa án.

* Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu phát biểu ý kiến về việc tham gia pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần P khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Hà Văn N, bà Ngô Thị N1 trả số tiền nợ gốc và lãi tính ngày 31/7/2023 là: 431.322.323 đồng; Trong đó: Nợ gốc là: 326.507.668 đồng, nợ lãi là: 104.814.655 đồng. Đồng thời ông Hà Văn N, bà Ngô Thị N1 phải có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ sau thời điểm xét xử như cam kết tại hợp đồng tín dụng. Trường hợp ông N, bà N1 không trả được nợ thì phát mãi tài sản đã thế chấp để đảm bảo cho việc thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, qua lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần P và bị đơn ông Hà Văn N, bà Ngô Thị N1 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, và

Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Hà Văn N, bà Ngô Thị N1 vắng mặt không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Hà Văn N, bà Ngô Thị N1.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng P cho rằng: Giữa Ngân hàng P và ông Hà Văn N có ký 02 hợp đồng tín dụng: Hợp đồng tín dụng số: 0318/2017/HĐTD-CN ngày 29/06/2017 ông N, bà N1 vay của Ngân hàng P số tiền: 499.000.000 đồng và Hợp đồng tín dụng số: 565/2018/PTR/HĐTD ngày 28/03/2018 số tiền vay: 120.000.000 đồng. Quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng, ông Hà Văn N và bà Ngô Thị N1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Hiện tại nghĩa vụ nợ của ông Hà Văn N và bà Ngô Thị N1 tại Ngân hàng P phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số: 0318/2017/HĐTD-CN ngày 29/06/2017 và Hợp đồng tín dụng số 565/2018/PTR/HĐTD ngày 28/03/2018 và các Khế ước nhận nợ đã được ký kết tạm tính ngày 31/7/2023 là: 431.322.323 đồng trong đó: Nợ gốc là: 326.507.668 đồng, nợ lãi là: 104.814.655 đồng và tiền lãi, phí phát sinh theo Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ đã ký kết từ ngày 01/8/2023 cho đến khi ông Hà Văn N và bà Ngô Thị N1 hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng P. Về phía bị đơn ông Hà Văn N, bà Ngô Thị N1 không có ý kiến gửi đến Tòa án nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

Xét thấy: Theo quy định tại Điều 4, Điều 7 của Hợp đồng tín dụng số: 0318/2017/HĐTD-CN ngày 29/06/2017 và định tại Điều 4, Điều 7 của Hợp đồng tín dụng số: 565/2018/PTR/HĐTD ngày 28/03/2018 được hai bên tự nguyện ký kết thì bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nợ gốc và nợ lãi như đã cam kết. Do vậy nguyên đơn có quyền chấm dứt hợp buộc bị đơn có nghĩa vụ trả tiền gốc và tiền lãi phát sinh như đã quy định tại 02 hợp đồng nêu trên. Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần P buộc bị đơn ông Hà Văn N, bà Ngô Thị N1 phải có nghĩa vụ trả số tiền tạm tính ngày 31/7/2023 là: 431.322.323 đồng; Trong đó: Nợ gốc là: 326.507.668 đồng, nợ lãi là: 104.814.655 đồng cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần P.

[3] Về xử lý tài sản thế chấp: Căn cứ vào thỏa thuận giữa ông Hà Văn N, bà Ngô Thị N1 và Ngân hàng Thương mại Cổ phần P tại hợp đồng thế chấp số: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0356/2016/BĐ ngày 19/07/2016; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 0318/2017/SDBS-HDBD ngày 29/06/2017; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Số 565/2018/PTR/HĐTC/SĐBS-01 ngày 28/03/2018 thì tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 82, tờ bản đồ số 128, địa chỉ - N tại Tổ C, Phường H, Quận L, Thành phố Đà Nẵng thuộc quyền sở hữu quyền sử dụng của ông Hà Văn N và bà Ngô Thị N1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 247033, số vào sổ cấp GCN: CTs 44816 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Đ cấp ngày 15/08/2014. Tại thời điểm cho vay thì trên thửa đất có ngôi nhà cấp 3; diện tích xây dựng là: 65,2m²; diện tích sàn là 140m². Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án ngày 23/02/2023 thì hiện trạng nhà, đất không sự thay đổi so với tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản trên đất được cấp tại thời điểm vay. Để đảm bảo cho khoản vay nên trên thì bên vay, bên cho vay đã thực hiện đăng ký thế chấp, giao dịch đảm bảo, phù hợp theo quy định tại Điều 317, 318, 323 của Bộ luật Dân sự và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Theo quy định tại của các Hợp đồng thế chấp tài sản thì việc Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản đã thế chấp, trong trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm nội dung giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn ông N, bà N1 phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng án phí lệ phí Tòa án" của Ủy ban thường vụ Quốc Hội là $(20.000.000 + 31.322.323 \text{ đồng} \times 4\%) = 21.252.892\text{đ}$ (Hai mươi, hai trăm năm mươi một nghìn, tám trăm chín mươi hai đồng).

[5] Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: 2.000.000đ (Hai triệu đồng) Ngân hàng P đã nộp, đã chi. Ông Hà Văn N, bà Ngô Thị N1 có trách nhiệm trả lại số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho Ngân hàng P.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào: Điều 317, 318, 323, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào: Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào: Điều 26 của Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng án phí lệ phí Tòa án" của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần P đối với bị đơn ông Hà Văn N, bà Ngô Thị N1.

1. Xử: Buộc ông Hà Văn N, bà Ngô Thị N1 phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần P tổng số tiền, tạm tính đến ngày 31/7/2023 là: 431.322.323đ (*Bốn trăm ba mươi một triệu, ba trăm hai mươi hai nghìn, ba trăm hai mươi ba đồng*); Trong đó: Nợ gốc là: 326.507.668đ (*Ba trăm hai mươi sáu triệu, năm trăm lẻ bảy nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng*), nợ lãi là: 104.814.655đ (*Một trăm lẻ bốn triệu, tám trăm mười bốn nghìn, sáu trăm năm mươi lăm đồng*).

Kể từ ngày 01.8.2023 cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi trên số nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên đã thoả thuận tại hợp đồng tín dụng số: 0318/2017/HĐTD-CN ngày 29/06/2017 và Hợp đồng tín dụng số 565/2018/PTR/HĐTD ngày 28/03/2018 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Về xử lý tài sản thế chấp: Trong trường hợp ông Hà Văn N, bà Ngô Thị N1 không trả được nợ vay, thì phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 82, tờ bản đồ số 128, địa chỉ - N tại Tổ C, Phường H, Quận L, Thành phố Đà Nẵng thuộc quyền sở hữu quyền sử dụng của ông Hà Văn N và bà Ngô Thị N1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 247033, số vào sổ cấp GCN: CTs 44816 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Đ cấp ngày 15/08/2014.

Trong trường hợp bị đơn ông Hà Văn N, bà Ngô Thị N1 thanh toán toàn bộ số tiền trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần P phải hoàn trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản và các giấy tờ khác theo hợp đồng thế chấp cho ông N, bà N1.

3. Về án phí: Buộc ông Hà Văn N, bà Ngô Thị N1 phải chịu: 21.252.892đ (*Hai mươi, hai trăm năm mươi một nghìn, tám trăm chín mươi hai đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần P1 số tiền tạm ứng án phí: 9.658.246đ (*Chín triệu, sáu trăm năm tám nghìn, hai trăm bốn mươi sáu đồng*) đã nộp theo biên lai thu số: 0005573 ngày 21/11/2023 của Chi cục Thi hành án quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

4. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) Ngân hàng P đã nộp, đã chi. Ông Hà Văn N, bà Ngô Thị N1 có trách nhiệm trả lại số tiền 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) cho Ngân hàng P.

5. Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án tại nơi cư trú.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bên đương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục THADS quận Liên Chiểu;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thanh Hùng

